TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HS-ST
Ngày 16/8/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Viết Giảng
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bùi Trung Thành
- Ông Ngọc Biên

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trọng Hà, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2019/TLST-HS ngày 20/6/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 20/2019/QĐXXST-HS ngày 02/8/2019 đối với các bị cáo:

- Bị cáo Nguyễn Đình H, sinh ngày 18/6/1974 tại tỉnh Thanh Hóa.
Nơi cư trú: Thôn C2, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình Đ và bà Phạm Thị H; vợ Vũ Thị P và 3 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại địa phương *(Có mặt)*.

- Bị cáo Đặng Đức P, sinh ngày 28/10/1978 tại tỉnh Thanh Hóa.
Nơi cư trú: Thôn C2, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: lớp 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Đức V và bà Phạm Thị S; vợ Nguyễn Thị H và 1 con, sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại địa phương *(Có mặt)*.

- Bị cáo Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 01/4/1975 tại tỉnh Thanh Hóa.
Nơi cư trú: Thôn C1, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: lớp 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh S và bà Ngô Thị Ô; vợ Cao Thị L và 2 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền sự, tiền án: Không; Bị tạm giữ từ ngày 16/02/2019 đến ngày 19/02/2019 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại địa phương *(Có mặt)*.

- Bị cáo Nguyễn Công T, sinh ngày 20/9/1967 tại tỉnh Thanh Hóa.
Nơi cư trú: Thôn C1, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 3/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị H; vợ Triệu Thị Y và 1 con, sinh năm 1990; Tiền sự, tiền án: Không; Bị tạm giữ từ ngày 16/02/2019 đến ngày 19/02/2019 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại địa phương *(Có mặt)*.

- Bị cáo Trần Duy H2, sinh ngày 30/3/1964 tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn C1, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: lớp 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Mạnh Đ và bà Nguyễn Thị N; vợ Nguyễn Thị A và 2 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền sự, tiền án: Không; Bị tạm giữ từ ngày 16/02/2019 đến ngày 19/02/2019 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại địa phương *(Có mặt)*.

- Bị cáo Lê Viết Đ, sinh ngày 15/7/1976 tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn C1, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con Lê Viết T và bà Hoàng Thị N; vợ Thái Thị B và 2 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền sự, tiền án: Không; Bị tạm giữ từ ngày 16/02/2019 đến ngày 19/02/2019 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại địa phương *(Có mặt)*.

- Bị cáo Phạm Duy N, sinh ngày 15/01/1960 tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn C1, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 7/10; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Hữu L và bà Phạm Thị T; vợ Bùi Thị C và 2 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1989; Tiền sự, tiền án: Không; Bị tạm giữ từ ngày 16/02/2019 đến ngày 19/02/2019 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại địa phương *(Có mặt)*.

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 15/02/1982 tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn C1, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N; vợ Nguyễn Thị T và 2 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền sự, tiền án: Không; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại địa phương *(Có mặt)*.

- Bị cáo Nguyễn Văn L *(Tên gọi khác: M)*, sinh ngày 15/12/1980 tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Z, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N; vợ Nguyễn Thị B và 2 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền sự, tiền án: Không; Bị tạm giữ từ ngày 16/02/2019 đến ngày 19/02/2019 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại địa phương *(Có mặt)*.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1949 *(Có mặt)*

- Anh Lê Văn L, sinh năm 1977 *(Vắng mặt)*
- Anh Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1974 *(Có mặt)*
- Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1967 *(Vắng mặt)*
- Anh Ninh Viết H4, sinh năm 1967 *(Vắng mặt)*
- Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1971 *(Có mặt)*
- Ông Hà Văn L, sinh năm 1959 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn C1, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ ngày 16/02/2019, Nguyễn Đình H, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Công T, Trần Duy H2, Lê Viết Đ, Phạm Duy N đến gia đình anh Nguyễn Thanh H3 ở thôn C1, xã M, huyện N dự liên hoan cho con trai anh H3 đi nghĩa vụ quân sự. Sau khi ăn cơm xong, thấy có người đánh xóc đĩa ở khu vực rạp phía trước nhà anh Nguyễn Thanh H3, nên Nguyễn Đình H đến cầm cái xóc đĩa đánh bạc với Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Công T, Trần Duy H2, Lê Viết Đ, Phạm Duy N; sau đó Đặng Đức P, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L đến cùng tham gia đánh bạc. Các bị cáo đánh bạc được một lúc thì xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, nên Nguyễn Đình H bỏ về, Đặng Đức P thay Nguyễn Đình H cầm cái xóc đĩa. Cách thức đánh bạc: Người cầm cái dùng 01 chiếc bát và 01 chiếc đĩa bằng sứ, bỏ 04 quân vị hình tròn, bằng giấy, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng vào đĩa, úp bát lên xóc, những người tham gia đánh bạc sẽ đặt tiền vào bên chẵn hoặc bên lẻ. Khi những người tham gia đánh bạc đặt tiền xong thì người sóc đĩa mở bát ra, nếu chẵn *(có 2 quân vị màu trắng, 2 quân vị màu vàng hoặc cả 4 quân vị màu vàng hoặc màu trắng)* thì người đặt tiền ở bên chẵn thắng, người đặt tiền ở bên lẻ thua; ngược lại nếu lẻ *(có 01 quân vị màu vàng, 3 quân vị mầu trắng hoặc 01 quân vị màu trắng, 03 quân vị màu vàng)* thì người đặt tiền bên lẻ thắng, người đặt tiền bên chẵn thua; số tiền thắng bằng số tiền đã đặt. Các bị cáo đánh bạc đến 14 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Ngọc Lặc phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.395.000 đồng, 01 bát, 01 đĩa bằng sứ, 04 quân vị bằng giấy, 01 chiếu nhựa; 03 xe mô tô gồm: Xe mô tô biển kiểm soát 36B1-181.xx của ông Hà Văn L; 36B4-161.xx của chị Lê Thị B và 36K6-79xx của anh Nguyễn Văn B. Quá trình điều tra xác định, 03 chiếc xe mô tô trên không liên quan đến hành vi đánh bạc của các bị cáo, nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu. Đối với anh Nguyễn Thanh H3, khi các bị cáo đánh bạc ở rạp trước nhà anh H3, anh H3 đang tiếp khách, sau đó ngủ tại nhà bố đẻ là ông Nguyễn Thanh S ở bên cạnh, anh H3 không biết các bị cáo đánh bạc, không có dấu hiệu vi phạm, nên cơ quan điều tra không xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKSNL ngày 17/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đình H, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Công T, Trần Duy H2, Lê Viết Đ, Phạm Duy N, Đặng Đức P, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L về "Tội đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 36 của Bộ Luật hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Đình H từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt các bị cáo Đặng Đức P, Nguyễn Công T, Trần Duy H2, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian tử thách từ 12 đến 18 tháng;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt các bị cáo Lê Viết Đ, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thanh H1 từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Duy N từ 6 đến 7 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 đến 14 tháng;

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Lê Viết Đ có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã M về điều kiện, hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo trên. Các bị cáo còn lại áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, phạt mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.395.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 01 bát, 01 đĩa sứ, 04 quân vị bằng giấy, 01 chiếu nhựa.

Về án phí: Xem xét giảm án phí cho các bị cáo Lê Viết Đ, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L; các bị cáo khác phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đã thành khẩn nhận tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, áp dụng mức án thấp của khung hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo để các bị cáo có điều kiện cải tạo, học tập trở thành người tốt.

Những người làm chứng xác nhận lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đúng với diễn biến sự việc mà người làm chứng được chứng kiến.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Công an huyện Ngọc Lặc, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ thục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với các bị cáo: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 12 giờ 00 phút đến 14 giờ 30 phút ngày 16/02/2019, tại khu vực rạp trước nhà anh Nguyễn Thanh H3 , ở thôn C1, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, các bị cáo Nguyễn Đình H, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Công T, Trần Duy H2, Lê Viết Đ, Phạm Duy N, Đặng Đức P, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L sử dụng 01 đĩa và 01 bát bằng sứ, 04 quân vị hình tròn bằng giấy, để đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, thì bị Công an huyện Ngọc Lặc bắt quả tang; thu giữ số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 5.395.000 đồng, 01 bát, 01 đĩa bằng sứ, 04 quân vị bằng giấy, 01 chiếu nhựa các bị cáo sử dụng làm dụng cụ đánh bạc. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào "Tội đánh bạc", số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc trên năm triệu đồng và dưới năm mươi triệu đồng, vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự an toàn xã hội, xâm phạm quy tắc của nếp sống mới xã hội chủ nghĩa, gây dư luận xấu trong nhân dân. Để duy trì trật tự xã hội, xây dựng và củng cố các quy tắc tiến bộ, văn minh của nếp sống mới, loại bỏ các tệ nạn bị xã hội lên án và pháp luật nghiêm cấm ra khỏi đời sống xã hội, hành vi phạm tội của các bị cáo phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về tính chất đồng phạm, mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm có tính đơn giản, các bị cáo không có mục đích đánh bạc từ trước, mà trong khi đi dự liên hoan gặp nhau rồi bột phát rủ nhau đánh bạc ăn tiền, nên vai trò của các bị cáo là ngang nhau. Tuy số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là tương đương nhau, nhưng thời gian tham gia đánh bạc khác nhau: Bị cáo Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Công T, Trần Duy H2, Lê Viết Đ, Phạm Duy N tham gia từ đầu cho đến khi bị bắt, bị cáo Nguyễn Đình H, Đặng Đức P, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L thời gian tham gia đánh bạc ít hơn; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng với các bị cáo khác nhau, nên cần phải căn cứ vào mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ được áp dụng đối với từng bị cáo để xem xét áp dụng mức hình phạt phù hợp, mới thể hiện được tính nghiêm minh và công bằng của pháp luật.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình và đồng phạm; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng điểm i, s khoản 1; bị cáo Phạm Duy N được tặng thưởng Huy chương, Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Ba, có anh trai là liệt sỹ nên được áp dụng điểm v khoản 1, khoản 2; bị cáo Trần Duy H2, Nguyễn Công T, Đặng Đức P có bố, mẹ đẻ tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tặng thưởng Huân

chương kháng chiến, bị cáo Nguyễn Đình H được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M tặng giấy khen và đầu thú, bị cáo Nguyễn Văn Đ đầu thú nên được áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xét giảm một phần hình phạt khi lượng hình. Xét về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có chỗ ở rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội, mà căn cứ Điều 36 của Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Đình H; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo còn lại, cho các bị cáo được hưởng án treo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục cũng đủ điều kiện để các bị cáo cải tạo, học tập trở thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[6]. Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Đình H, Đặng Đức P, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Công T, Trần Duy H2 để sung quỹ Nhà nước. Riêng bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Đ, Lê Viết Đ đang gặp khó khăn về kinh tế được Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú xác nhận; bị cáo Phạm Duy N hiện nay đang trực tiếp phụng dưỡng mẹ liệt sỹ và thờ cúng liệt sỹ, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Đ, Lê Viết Đ, Phạm Duy N; bị cáo Nguyễn Đình H đã bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, nên miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ cho bị cáo là phù hợp với chính sách, pháp luật.

[7]. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Đối với số vật chứng Cơ quan điều tra đã xử lý trong quá trình điều tra, Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số vật chứng chưa xử lý gồm: Số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 3.395.000 đồng; 01 bát, 01 đĩa bằng sứ, 04 quân vị bằng giấy, 01 chiếu nhựa, các bị cáo sử dụng làm dụng cụ để đánh bạc. Vật chứng trên các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 5.395.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, tịch thu tiêu hủy 01 bát, 01 đĩa bằng sứ, 04 quân vị bằng giấy, 01 chiếu nhựa các bị cáo sử dụng làm dụng cụ để đánh bạc.

[8]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đình H, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Công T, Trần Duy H2, Lê Viết Đ, Phạm Duy N, Đặng Đức P, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L phạm "Tội đánh bạc".

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H 09 *(Chín)* tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ cho bị cáo Nguyễn Đình H.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đặng Đức P 06 *(Sáu)* tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 *(Mười hai)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Duy N 06 *(Sáu)* tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 *(Mười hai)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 *(Sáu)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 *(Mười hai)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Viết Đ 07 *(Bảy)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 *(Mười bốn)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 07 *(Bảy)* tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H1 07 *(Bảy)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 *(Mười bốn)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T 07 *(Bảy)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 *(Mười bốn)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Duy H2 07 *(Bảy)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 *(Mười bốn)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Đình H, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Công T, Trần Duy H2, Lê Viết Đ, Phạm Duy N, Đặng Đức P, Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; giao bị cáo Nguyễn Văn L cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ và thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách của án treo, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì

Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Đình H, Đặng Đức P, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Công T, Trần Duy H2 mỗi bị cáo 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.395.000 đồng *(Năm triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn đồng)* các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, số tiền hiện đang tạm gửi vào tài khoản 3949.0.1055159 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc tại Kho bạc Nhà nước Ngọc Lặc; tịch thu tiêu hủy 01 bát, 01 đĩa bằng sứ, 04 quân vị bằng giấy, 01 chiếu nhựa các bị cáo sử dụng làm dụng cụ đánh bạc, theo Biên bản giao nhận vật chứng và Phiếu nhập kho số NK 2019/016 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Các bị cáo Nguyễn Đình H, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Công T, Trần Duy H2, Lê Viết Đ, Phạm Duy N, Đặng Đức P, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CA huyện Ngọc Lặc;
- THADS huyện Ngọc Lặc;
- HS vụ án, HS THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lê Viết Giảng